TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 1224/2017/QĐST-HNGĐ	*Tân Bình, ngày 28 tháng 11 năm 2017*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 1015/TLST-HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 giữa:

Người yêu cầu: Bà Trần Thị Tuyết M, sinh năm 1983

Thường trú: thôn S, xã B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: chung cư E, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người yêu cầu: Ông Võ Văn T, sinh năm 1975

Thường trú: thôn S, xã B, thành phố C, tỉnh Khánh Hòa.

Tạm trú: chung cư E, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, 213, 396, khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116, 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 11 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa bà Trần Thị Tuyết M và ông Võ Văn T.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tuyết M và ông Võ Văn T thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ông T có trách nhiệm giao 03 con là Võ Ngọc H, sinh ngày 21/6/2010, Võ Khánh T1, sinh ngày 03/01/2012 và Võ An A, sinh ngày 17/8/2015 cho bà M trực tiếp nuôi. Ông T có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con mỗi tháng 5.000.000 đồng (năm triệu đồng). Bắt đầu thi hành từ tháng 12/2017 cho đến khi các con chung lần lượt thành niên.

Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng và phương thức cấp dưỡng có thể thay đổi.

Bà M cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Kể từ ngày bà M có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông T chậm thanh toán khoản tiền cấp dưỡng nuôi con thì ông T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Về tài sản chung: Không có.
- Về nợ chung: Không có.
- Về lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) do bà M và ông T nộp, được cấn trừ vào tiền tạm ứng lệ phí bà M và ông T đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2017/0007027 ngày 23/10/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình;
- Ủy ban nhân dân phường K, thị xã V, tỉnh Đăk Lăk (để ghi vào sổ hộ tịch): Giấy chứng nhận kết hôn số: 01; quyển số: I/08-09 do UBND thị trấn R, huyện X, cấp ngày 02/01/2009;
- Lưu hồ sơ việc dân sự;

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Hương